

Số: 51/2021/QĐST-HNGĐ

Đắk Hà, ngày 21 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 83 /2021/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị X, sinh năm 1993.

- A Mai Văn Đ, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Đắk Tin, xã Đắk NG, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và A Mai Văn Đ kết hôn hợp pháp ngày 26/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đắk NG, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn Đắk Tin, xã Đắk NG, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do A Mai Văn Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, khiến vợ chồng cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó vợ chồng không còn tình cảm. Vì vậy hai đương sự đã thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận.

Xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, các bên tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thỏa thuận như sau: Giao cả hai cháu Mai Văn P, sinh ngày 20/11/2015 và cháu Mai Phương A, sinh ngày 12/7/2020 cho chị Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; A Mai Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền để nuôi con chung cho

chị Lê Thị X là 2.000.000 đồng/2 cháu, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và sống tự lập được.

A Mai Văn Đ được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Các bên đương sự không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thỏa thuận nuôi con là các đương sự tự nguyện vì vậy xét thấy cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu, chị Lê Thị X thỏa thuận chịu toàn bộ. Đây là đương sự tự nguyện chịu, xét thấy phù hợp cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị X và A Mai Văn Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Mai Văn P, sinh ngày 20/11/2015 và cháu Mai Phương A, sinh ngày 12/7/2020 cho chị Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. A Mai Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị X một tháng là 2.000.000 đồng/2 cháu, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 11/2021 cho đến khi các cháu (P, A) trưởng thành, đủ 18 tuổi, sống tự lập và có khả năng lao động.

Các đương sự được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu.

Các bên đương sự không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Kể từ ngày chị Lê Thị X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu hàng tháng A Mai Văn Đ không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không có thỏa thuận thì được quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị X thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà chị Lê Thị X đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001555 ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị X đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Đắk NG;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Phạm Thị Nga